

Số: /KH-UBND

An Giang, ngày tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới (Sau đây gọi là *Kết luận số 70-KL/TW*); Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Sau đây gọi là *Chiến lược phát triển thể dục, thể thao*); Kế hoạch số 189-KH/TU ngày 27/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới (Sau đây gọi là *Kế hoạch số 189-KH/TU*).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị; Quyết định số 1189/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 189-KH/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị, nhằm nâng cao nhận thức và hành động, tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng con người An Giang phát triển hài hòa, toàn diện trong giai đoạn mới.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; xác định nội dung, nhiệm vụ và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả, tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển thể dục thể thao (TDTT) của tỉnh An Giang.

2. Yêu cầu

- Việc quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện phải bám sát các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức, trách nhiệm, để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh.

- Phát huy hiệu quả các tiềm lực sẵn có, tính chủ động, sáng tạo; phù hợp các yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đảm bảo sự

phối hợp giữa của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương phải thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, để đảm bảo hoàn thành thực chất, hiệu quả các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân cùng tham gia thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, đánh giá, sơ kết, tổng kết và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tạo động lực thúc đẩy TDTT phát triển, xây dựng thói quen tập luyện TDTT trở thành thường xuyên của mọi người dân, nhằm nâng cao sức khỏe, phòng, chống bệnh tật, hoàn thiện nhân cách, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần tạo dựng nguồn nhân lực có đủ trí tuệ và thể lực.

- Đầu tư phát triển thể thao thành tích cao có trọng tâm, hiệu quả, ưu tiên các môn thi đấu Olympic, ASIAD, SEAGames nhằm đưa thể thao An Giang đạt vị trí cao tại các giải thể thao toàn quốc; đồng thời, đóng góp được nhiều vận động viên (VĐV), huấn luyện viên (HLV) vào đội tuyển và tuyển trẻ Quốc gia để tham gia thi đấu tại các giải thể thao khu vực, châu lục và thế giới; đảm bảo các điều kiện để đăng cai tổ chức thành công các sự kiện thể thao lớn của tỉnh, khu vực, toàn quốc và quốc tế;

- Mở rộng thị trường thể thao, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển sự nghiệp TDTT; thu hút phát triển các loại hình kinh doanh dịch vụ thể thao, từng bước đưa hoạt động thể thao trở thành một ngành kinh tế dịch vụ quan trọng, có tính liên ngành; phát triển các loại hình thể thao giải trí hiện đại, các sự kiện thể thao gắn với du lịch nhất là các hoạt động thể thao giải trí, thể thao trên không, thể thao mạo hiểm góp phần thúc đẩy du lịch, dịch vụ nhằm nâng cao thu nhập cho các doanh nghiệp, tạo nguồn thu đóng góp cho ngân sách và tái đầu tư cho phát triển sự nghiệp TDTT, tạo điều kiện giao lưu, hợp tác, nâng cao vị thế, tăng cường quảng bá hình ảnh về vùng đất và con người An Giang đến với du khách trong và ngoài nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển sự nghiệp TDTT:

Tiêu chí	2025	2030	2035	Tầm nhìn đến 2045
1. Số người tập luyện TDTT thường xuyên	39,5%	41%	42,5%	45,5%
2. Số gia đình thể thao	37%	38,5%	40%	43%
3. Số câu lạc bộ thể dục thể thao	- Tăng 05% so với tổng số	- Tăng 15% so với tổng số	- Tăng 15% so với tổng số	- Tăng 15% so với tổng số

	CLB tính đến năm 2024 - Củng cố, duy trì hoạt động các CLB	CLB tính đến năm 2025 - Củng cố, duy trì hoạt động các CLB	CLB tính đến năm 2030 - Củng cố, duy trì hoạt động các CLB	CLB tính đến năm 2035 - Củng cố, duy trì hoạt động các CLB
4. Số trường học đảm bảo thực hiện giáo dục thể chất chính khóa.	100%	100%	100%	100%
5. Số trường thực hiện tập luyện TDTT ngoại khóa. Đảm bảo 100% trường tiểu học và phổ thông đưa môn bơi vào chương trình ngoại khóa	87,5%	90%	92,5%	97,5%
6. Số học sinh các cấp và sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định.	90%	92%	94%	96%
7. Số chiến sĩ quân đội đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định.	100%	100%	100%	100%
8. Số chiến sĩ công an đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định.	100%	100%	100%	100%
9. Số CNVC - LĐ tập luyện TDTT thường xuyên.	83,5%	85%	87,5%	92,5%

2.2. Các thiết chế TDTT cơ bản tại cơ sở:

a) Đến năm 2030, có 70% xã, phường có đủ các thiết chế TDTT cơ bản đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định:

- 01 sân bóng đá
- 01 hồ bơi.
- Sân tập luyện TDTT ngoài trời.
- Tối thiểu 55% xã, phường có điểm tập TDTT công cộng (Có trang thiết bị tập luyện TDTT ngoài trời).

b) Đến năm 2035, có 80% xã, phường có đủ các thiết chế TDTT cơ bản đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định:

- Củng cố, duy trì hoạt động các thiết chế TDTT cơ bản.
- Tối thiểu 70% xã, phường có điểm tập TDTT công cộng (Có trang thiết bị, dụng cụ tập luyện TDTT ngoài trời).

c) Đến năm 2045, mỗi xã, phường có đủ các thiết chế TDTT cơ bản đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định:

- Củng cố, duy trì hoạt động các thiết chế TDTT cơ bản.
- 100% xã, phường có điểm tập TDTT công cộng (Có trang thiết bị, dụng cụ tập luyện TDTT ngoài trời).

Lưu ý: trên địa bàn nếu đã có các công trình thể thao cơ bản xã, phường chỉ đầu tư xây dựng công trình thể thao cơ bản còn thiếu theo quy định.

d) Đến 2035, 70% hầu hết các khóm, ấp, tổ dân phố, khu dân cư, khu đô thị, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế có ít nhất 01 thiết chế thể thao hoặc 01 điểm tập luyện TDTT công cộng. Đến 2045, hầu hết các khóm, ấp, tổ dân phố, khu dân cư, khu đô thị, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế có ít nhất 01 thiết chế thể thao hoặc 01 điểm tập luyện TDTT công cộng.

2.3. Thể thao thành tích cao:

a) Chú trọng tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện tài năng thể thao để tạo nguồn ổn định, lâu dài và phát triển bền vững; xác định đúng đối tượng gắn với các môn thể thao trọng điểm, các nội dung trọng điểm để ưu tiên đầu tư phát triển theo chiều sâu, đề cao chất lượng, nhằm tạo sự đột phá trong đào tạo tài năng thể thao thành tích cao, nhất là các môn thể thao có thể tiếp cận trình độ của khu vực châu lục và thế giới, nhằm tham gia thi đấu đạt thành tích tại các kỳ Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD), Đông Nam Á (SEAGames), các giải vô địch quốc gia và các kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc; đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa và phát triển đồng bộ mạng lưới cơ sở vật chất TDTT của tỉnh mang tầm vóc của một đô thị hiện đại, văn minh, đảm bảo các điều kiện để sẵn sàng đăng cai tổ chức thành công các sự kiện thể thao lớn của tỉnh, khu vực, toàn quốc và quốc tế; từng bước chuyển giao tuyển Năng khiếu trọng điểm cho huyện, thị xã, thành phố đầu tư, quản lý, với chỉ tiêu như sau:

a.1. Số lượng môn thể thao:

Tiếp tục đầu tư 17 môn thể thao: Bóng đá, Xe đạp, Bơi lội, Điền kinh, Thể hình, Cử tạ, Taekwondo, Bắn cung, Đua thuyền hiện đại, Pencak Silat, Wushu, Vovinam, Boxing, Võ cổ truyền, Karatedo, Kick Boxing, Muay và một số môn nằm trong chương trình thi đấu Asiad, Olympic.

a.2. Hệ thống đào tạo VĐV các tuyển đến năm 2035, tầm nhìn 2045:

- Năng khiếu trọng điểm:

Hàng năm mở 14 lớp năng khiếu thể thao trọng điểm các môn trong hệ thống thi đấu SEA Games, Asiad, Olympic, mỗi lớp gồm 01 Hướng dẫn viên và 06 VĐV:

Giai đoạn	Địa điểm	Môn	Số lớp	Ghi chú
2025 - 2030	Xã, phường	Điền kinh	2lớp/năm	
		Xe đạp	2lớp/năm	
		Cử tạ	2lớp/năm	
		Bơi lội	2lớp/năm	
		Taekwondo	2lớp/năm	
		Boxing	2lớp/năm	
		Karate	2lớp/năm	
		07 môn	14 lớp/năm	

Đến năm 2035	Xã, phường	Điền kinh	2lớp/năm	
		Xe đạp	2lớp/năm	
		Cử tạ	2lớp/năm	
		Bơi lội	2lớp/năm	
		Taekwondo	2lớp/năm	
		Boxing	2lớp/năm	
		Karate	2lớp/năm	
		07 môn	14 lớp/năm	
Tầm nhìn đến năm 2045	Xã, phường	Điền kinh	2lớp/năm	
		Xe đạp	2lớp/năm	
		Cử tạ	2lớp/năm	
		Bơi lội	2lớp/năm	
		Taekwondo	2lớp/năm	
		Boxing	2lớp/năm	
		Karate	2lớp/năm	
		07 môn	14 lớp/năm	

- Vận động viên các tuyến tỉnh:

TT	Thời gian	Tổng số VĐV đào tạo	Số VĐV các tuyến		
			Năng khiếu	Trẻ	Tuyển
01	Năm 2025	655	330	170	155
02	Đến năm 2030	721	363	187	171
03	Đến năm 2035	793	399	206	188
04	Đến năm 2045	873	439	227	207

- Tuyển chọn và đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật viên thể thao có trình độ cử nhân, thạc sĩ, huấn luyện viên (HLV) tài năng (Trong đó có HLV chính và HLV cao cấp):

TT	Thời gian	Số kỹ thuật viên	Số huấn luyện viên	
			HLV chính	HLV cao cấp
01	Năm 2025	11	10	1
02	Đến năm 2030	18	15	3
03	Đến năm 2035	21	17	4
04	Đến năm 2045	24	19	5

a.3. Chỉ tiêu huy chương:

- Các giải quốc gia, khu vực:

TT	Thời gian	Tổng số	Huy chương		
			Vàng	Bạc	Đồng
01	Năm 2025	328	106	97	125
02	Đến năm 2030	362	117	107	138
03	Đến năm 2035	399	129	118	152
04	Đến năm 2045	438	141	130	167

- Các đại hội, giải thể thao khu vực, châu lục, quốc tế và thế giới:

TT	Thời gian	Tổng số	Huy chương		
			Vàng	Bạc	Đồng
01	Năm 2025	31	9	11	11
02	Đến năm 2030	34	10	12	12
03	Đến năm 2035	37	11	13	13
04	Đến năm 2045	40	12	14	14

3. Định hướng đến năm 2045

3.1. Thể dục thể thao cho mọi người

Phong trào TDTT phát triển đồng đều, đa dạng trong các đối tượng, địa bàn; hình thành thói quen rèn luyện thể chất thường xuyên trong Nhân dân; 96% học sinh các cấp và sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định; 100 chiến sỹ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

3.2. Thể thao thành tích cao

Duy trì, giữ vững, phát huy thành tích các môn thể thao trọng điểm của tỉnh, phấn đấu mục tiêu giữ vững vị trí trong top 10 tỉnh, thành, ngành mạnh nhất toàn quốc tại các kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc và top 3 tỉnh, thành phố tại các kỳ Đại hội Thể thao Đồng bằng sông Cửu Long.

Đóng góp số lượng HLV, VĐV cho quốc gia và số huy chương dành được trong các cuộc thi đấu quốc tế như: Các kỳ SEAGames, ASIAD và Olympic, các giải vô địch Đông Nam Á, Châu Á và Thế giới được tăng trưởng.

3.3. Cơ sở vật chất phát triển sự nghiệp TDTT

Tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm nền tảng phát triển mạnh mẽ và vững chắc sự nghiệp TDTT. Mạng lưới thiết chế cơ sở thể thao tỉnh hiện đại, đủ điều kiện đăng cai tổ chức các sự kiện thể thao lớn của khu vực, quốc gia và quốc tế.

- Cấp tỉnh: Giai đoạn đến năm 2045 đảm bảo có đầy đủ các công trình thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn theo quy định.

- Cấp xã, phường: Giai đoạn đến năm 2045: có 100% xã, phường, đặc khu có Trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trường học: Giai đoạn đến năm 2045: có 100% trường học trong hệ thống giáo dục phổ thông có công trình thể thao.

- Thị trường thể thao, kinh tế thể thao phát triển, từng bước đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thể dục thể thao cho mọi người

a) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả Cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” gắn với phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và lồng ghép với các chiến lược, chương trình, đề án, phong trào liên quan, hướng tới mỗi người dân thường xuyên luyện tập ít nhất một môn thể thao phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của cá nhân. Mở rộng mạng lưới thiết chế thể thao cơ sở, phát triển mạnh số lượng các câu lạc bộ thể thao, các điểm tập luyện TDTT công cộng. Tăng cường phối hợp liên ngành tổ chức các hoạt động TDTT trong từng đối tượng (công nhân, viên chức, người lao động, nông dân, thanh niên, phụ nữ, người cao tuổi, đồng bào dân tộc, người khuyết tật...).

Tăng cường phổ biến kiến thức, hướng dẫn hoạt động phong trào TDTT cho mọi người; bố trí, quy hoạch đầy đủ quỹ đất, kinh phí đầu tư xây dựng các công trình thể thao công cộng ở các khu dân cư; lắp đặt các trang thiết bị tập luyện tại các khu vui chơi, giải trí công cộng, công viên, khu nhà ở công nhân; quan tâm phát triển TDTT cho đối tượng người dân tộc, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật.

Chính quyền các cấp cần có quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp TDTT phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đặc biệt là công tác quy hoạch đất đai, công trình thể thao phục vụ nhu cầu tập luyện và thi đấu của quần chúng nhân dân trên địa bàn. Gắn việc chỉ đạo phát triển phong trào TDTT với Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh.

Ưu tiên nguồn lực, đẩy mạnh phối hợp để triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ tổ chức các hoạt động TDTT tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tổ chức hiệu quả các hoạt động giao lưu, thi đấu thể thao trong cộng đồng, tạo cơ hội cho mọi người dân được quyền tham gia hoạt động tập luyện, biểu diễn, thi đấu để nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật, vui chơi, giải trí. Khai thác, bảo tồn, phát triển và phát huy giá trị các loại hình thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian; phát triển thể thao giải trí, thể thao mạo hiểm, thể thao gắn với du lịch và lễ hội theo hướng đa dạng, độc đáo, bảo đảm an toàn.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hướng dẫn viên TDTT, cộng tác viên TDTT, xây dựng mạng lưới hướng dẫn viên, vận động viên làm nòng cốt cho phong trào; thành lập câu lạc bộ TDTT phù hợp với lứa tuổi, hoàn cảnh và nhu cầu tập luyện của các đối tượng cư trú trên địa bàn xã, phường, đặc khu gắn với trường học, các điểm vui chơi và các thiết chế văn hóa, TDTT tại cơ sở.

Tổ chức các giải thể thao dành cho người khuyết tật, chọn lựa các vận động viên có thành tích tốt dự hội thi cấp khu vực, toàn quốc.

Hàng năm, tổ chức tối thiểu 01 giải thể thao cho người khuyết tật

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường, gắn với mục tiêu giáo dục toàn diện cả về tri thức, thể chất, tâm lý và kỹ năng sống. Tăng cường chuẩn hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên; có kế hoạch từng bước triển khai đầu tư xây dựng hồ bơi, nhà tập đa năng cho các cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện cụ thể từng cấp học, địa bàn. Đẩy mạnh liên kết giữa nhà trường với các cơ sở thể thao trong hoạt động giáo dục thể chất. Tổ chức các hoạt động thể thao ngoại khóa theo hướng cá thể hóa, phù hợp với sở thích, tâm sinh lý và lứa tuổi của học sinh, sinh viên, trong đó chú trọng tập luyện bơi, võ cổ truyền và một số môn thể thao phù hợp khác. Phát triển mạnh các loại hình câu lạc bộ TDTT trường học; tăng cường đào tạo năng khiếu thể thao ngay trong nhà trường. Đẩy mạnh, tiếp tục đổi mới các hoạt động giao lưu, thi đấu thể thao trong và liên trường, ở các cấp học và trên từng địa bàn.

Tiếp tục lồng ghép việc triển khai Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 với hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường; thường xuyên rà soát, đánh giá các chỉ số thể lực, tầm vóc của học sinh, sinh viên để có biện pháp can thiệp về thể thao, từng bước khắc phục tình trạng thừa cân, thấp còi, suy dinh dưỡng.

Củng cố, kiện toàn và đảm bảo cho VĐV được học tập văn hóa và tập luyện TDTT phát triển thành tích cao tại Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu TDTT.

Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo; các Trường Đại học, Cao đẳng.

Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; các tổ chức và cá nhân liên quan.

c) Quy hoạch, tăng cường mạng lưới cơ sở vật chất, trang thiết bị TDTT nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng rèn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang. Tăng cường các hoạt động huấn luyện, thi đấu các môn thể thao nghiệp vụ ứng dụng trong lực lượng vũ trang để phục vụ công tác và sẵn sàng chiến đấu. Phát triển các câu lạc bộ thể thao và nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; ưu tiên phát triển các môn thể thao truyền thống, thế mạnh của lực lượng vũ trang, như: bắn súng, võ thuật, điền kinh, bơi lội, các môn thể thao quốc phòng. Phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong phát triển phong trào TDTT, nhất là ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Triển khai thực hiện tốt việc kiểm tra, đánh giá tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định cho toàn bộ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Hàng năm tổ chức từ 2-3 giải thể thao trong lực lượng vũ trang; tổ chức tốt các hội thao, hội thi Chiến sĩ khỏe trong lực lượng vũ trang theo quy định.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Lữ đoàn 962.

d) **Đẩy mạnh phong trào tập luyện TDTT trong công nhân, viên chức, người lao động.** Vận động mọi người tự chọn một môn thể thao phù hợp để tập luyện nâng cao sức khỏe, phục vụ lao động và công tác. Phát triển thiết chế TDTT trong các cơ quan, doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất đảm bảo nhu cầu tập luyện của công nhân, viên chức, người lao động; mỗi cơ quan, doanh nghiệp, xí nghiệp có tối thiểu 02 câu lạc bộ TDTT trở lên thu hút công nhân, viên chức, người lao động tham gia sinh hoạt và tập luyện.

Duy trì tổ chức các giải thể thao, Hội thao dành cho cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động trong toàn tỉnh; hàng năm, tổ chức từ 01 - 02 giải thể thao, hội thao trong cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động cấp cơ sở và Hội thao công nhân, viên chức, người lao động cấp tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Liên đoàn lao động tỉnh An Giang.

đ) **Xây dựng phong trào “Khỏe để lập nghiệp và giữ nước” trong thanh, thiếu niên,** làm nòng cốt cho cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Tổ chức tốt các hoạt động TDTT cho thanh thiếu niên trong dịp hè; gắn việc xây dựng phong trào tập luyện TDTT trong thanh, thiếu niên với phòng, chống và bài trừ các tệ nạn xã hội.

Hàng năm, Đoàn cấp cơ sở tổ chức ít nhất 01 giải thể thao, hội thao cho thanh, thiếu niên; tổ chức Hội thao cho thanh, thiếu niên cấp tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh An Giang.

e) **Phát triển mạnh mẽ phong trào tập luyện TDTT trong phụ nữ** hưởng ứng cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”. Đề cao vai trò tích cực của phụ nữ trong việc động viên các thành viên trong gia đình thường xuyên tập luyện TDTT, góp phần xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình “*Hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình có sức khỏe*” với thông điệp “*Khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần - Để gia đình hạnh phúc*”. Phát động “*Mỗi cơ sở Hội duy trì một hình thức văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao*”.

Hàng năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp cơ sở tổ chức hoặc tham gia ít nhất 01 giải thể thao, hội thao cho Phụ nữ; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức Hội thao Phụ nữ tỉnh định kỳ 03 năm/lần và tùy theo thực tế điều kiện, sự kiện hàng năm”.

Cơ quan chủ trì: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang.

g) **Đẩy mạnh phong trào tập luyện TDTT vùng nông thôn,** hưởng ứng cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”. Xây dựng và phát triển phong trào TDTT ở cơ sở gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới. Vận động mỗi người nông dân tự chọn cho mình một môn thể thao thích hợp để luyện tập nâng cao sức khỏe. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các giải bóng đá, bóng chuyền, việt dã nông dân; mở rộng hình thức và nội dung tổ chức các giải thi đấu thể thao phù hợp với đối tượng để thu hút ngày càng đông đảo nông dân tham gia, nhất là ở cơ sở, vùng đồng bào dân tộc, miền núi và biên giới.

Thành lập câu lạc bộ TDTT các cấp Hội trên cơ sở các môn thể thao truyền thống và phong trào truyền thống của từng địa phương; chú trọng phát triển các môn thể thao dễ tập luyện, thu hút được nhiều người tham gia, ít phải đầu tư cơ sở vật chất.

Hàng năm, cấp cơ sở tổ chức từ 02 - 03 giải thể thao cho nông dân và tổ chức tốt Hội thao Nông dân tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Hội Nông dân tỉnh An Giang.

h) Động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người cao tuổi tập luyện TDTT để nâng cao sức khỏe, nâng cao tuổi thọ với phương châm “Sống vui - Sống khỏe - Sống có ích”; phát triển ngày càng nhiều câu lạc bộ, nhóm tập luyện TDTT của người cao tuổi, các câu lạc bộ sức khỏe ngoài trời tại địa phương. Duy trì hàng năm, tổ chức Hội thao người cao tuổi từ cơ sở đến tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Ban đại diện Người cao tuổi tỉnh.

i) Phối hợp với các cấp, ngành, địa phương và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động lồng ghép những môn thể thao dân tộc vào các dịp lễ, Tết, các kỳ Đại hội TDTT do địa phương tổ chức, nhằm tạo sân chơi bổ ích cho đồng bào dân tộc thiểu số. Động viên người khuyết tật lựa chọn một môn thể thao phù hợp trạng thái thể lực của mình để tập luyện nâng cao sức khỏe, vượt qua khó khăn và hòa nhập cộng đồng. Qua đó, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

2. Thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp

Đổi mới, hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, thống nhất quản lý theo hướng tiên tiến, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kỹ thuật viên, cán bộ quản lý thể thao thành tích cao, huấn luyện viên tài năng, có trình độ chuyên môn giỏi, giàu kinh nghiệm, có khả năng hoạch định chiến lược huấn luyện VĐV thi đấu đạt thành tích huy chương tại các đấu trường trong nước và quốc tế; phấn đấu đưa An Giang trở thành một trong những tỉnh mạnh của cả nước, khẳng định và giữ vững vị thế dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong top 10 trên toàn quốc và có nhiều VĐV đoạt huy chương vàng tại các kỳ SeaGames, Châu Á, Thế giới và Olympic; phấn đấu đưa đội tuyển bóng đá An Giang thi đấu tại giải vô địch quốc gia (V-League).

Xây dựng giải pháp trọng tâm, trọng điểm mang tính đột phá, như: Thuê chuyên gia giỏi, tập huấn dài hạn ở nước ngoài, tăng cường thi đấu quốc tế, xây dựng cơ chế đặc thù cho HLV, VĐV trọng tâm, trọng điểm.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa lĩnh vực thể thao thành tích cao, khuyến khích các liên đoàn thể thao, câu lạc bộ thể thao, doanh nghiệp hỗ trợ, tài trợ các đội tuyển thể thao, VĐV tài năng đại diện cho tỉnh tham gia các giải quốc gia và quốc tế, khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, đào tạo VĐV, HLV, tổ chức thi đấu... theo quy định của pháp luật.

Chú trọng việc học tập văn hóa, chính trị, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức, ý chí, lòng tự hào dân tộc cho vận động viên; tôn vinh, đãi ngộ xứng đáng các VĐV, HLV xuất sắc, phát huy vai trò nêu gương trong thế hệ trẻ. Tăng cường chăm lo, cải thiện các chế độ, chính sách đối với VĐV, HLV, điển hình là lương, thưởng, danh hiệu vinh dự, bảo hiểm, chăm sóc y tế, chữa trị chấn thương, học tập, việc làm (sau khi nghỉ thi đấu) và các chế độ liên quan khác, bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách chung, đồng thời tương xứng với đặc thù nghề nghiệp trong từng môn, nhóm môn thể thao; quan tâm xây dựng chính sách đặc thù cho vận động viên nữ.

3. Tăng cường hợp tác về thể dục, thể thao

Mở rộng hợp tác với các địa phương trong nước, các trung tâm thể thao quốc gia, cơ sở đào tạo TDTT để trao đổi, hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ, cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, trao đổi chuyên gia, đào tạo cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên.

Nghiên cứu cử cán bộ quản lý, HLV đến tham quan học hỏi kinh nghiệm trong và ngoài nước về công tác quản lý, huấn luyện, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, huấn luyện, chuyển giao ứng dụng khoa học trong thể thao thành tích cao, chia sẻ thông tin, hỗ trợ, liên kết trong công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao

Quan tâm đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng nhân lực thể thao đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển đội ngũ nhân lực có khả năng làm việc chuyên nghiệp trong môi trường quốc gia và quốc tế; chủ động giới thiệu nhân sự tham gia các tổ chức thể thao quốc gia, quốc tế. Tăng cường kết nối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và có chính sách động viên, thu hút tài năng thể thao là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp, cống hiến cho thể thao tỉnh.

Tăng cường giới thiệu, quảng bá các môn thể thao dân tộc, truyền thống của Việt Nam nói chung, của tỉnh An Giang nói riêng với các địa phương trong nước và quốc tế.

4. Đẩy mạnh thông tin, truyền thông về lĩnh vực TDTT

Đẩy mạnh, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp, các địa phương và toàn xã hội về vị trí, vai trò, tác dụng của TDTT trong đời sống, trong đó chú trọng các gương điển hình trong tập luyện TDTT; tăng cường phổ biến kiến thức, phương pháp tập luyện, chế độ dinh dưỡng, lối sống lành mạnh nhằm từng bước chuyển đổi hành vi xã hội, hình thành thói quen vận động tích cực, rèn luyện thân thể thường xuyên, suốt đời trong Nhân dân. Hằng năm, triển khai hiệu quả *“Tháng hoạt động thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân”* gắn với kỷ niệm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn dân tập thể dục (27/3/1946), cuộc vận động *“Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”* và phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*.

Nâng cao trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể và nhân dân đối với phát triển sự nghiệp TDTT; lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về TDTT trong nghị quyết, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương, đơn vị. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai nhiệm vụ phát triển TDTT.

Tăng cường truyền thông về giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường để nâng cao nhận thức của cơ sở giáo dục, học sinh và phụ huynh, coi giáo dục thể chất, hoạt động thể thao là biện pháp giáo dục, rèn luyện quan trọng nhằm phát triển thể lực, tầm vóc, rèn luyện kỷ luật, ý chí, bản lĩnh đối với thế hệ trẻ, nguồn nhân lực tương lai của đất nước.

5. Thể chế, pháp luật

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tiếp tục rà soát, tham mưu thực hiện các quy định của pháp luật về cơ chế, chính sách đầu tư phát triển, khuyến khích, thu hút, ưu đãi về cơ sở vật chất - kỹ thuật, hệ thống thiết chế TDTT, nhân lực, nhân tài trong hoạt động thể thao. Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện các quy định về thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao, TDTT cho mọi người, giáo dục thể chất và thể thao trường học; TDTT cho người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa và trong khu công nghiệp; hỗ trợ pháp lý về kinh tế thể thao, tích cực vận động, thu hút, thúc đẩy xã hội hóa. Bổ sung, hoàn thiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, chăm sóc y tế, tiền lương, trợ cấp, ưu đãi khác đối với VĐV, HLV, nhân tài trong lĩnh vực TDTT.

Nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, nguồn nhân lực. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người trực tiếp làm công tác TDTT. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, giao lưu, học tập, hợp tác quốc tế góp phần nâng cao hiểu biết, trình độ, chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương, đơn vị trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh sắp xếp, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập TDTT theo hướng tự chủ, nâng cao chất lượng hoạt động. Tăng cường công khai, minh bạch, thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật; kịp thời hướng dẫn xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kiên quyết xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực TDTT.

Nghiên cứu thực hiện các quy định về quản lý, phát triển thể thao gắn với du lịch, thể thao giải trí, thể thao mạo hiểm, thể thao điện tử và các loại hình thể thao mới; các quy định về quản lý và phát triển thị trường trong các hoạt động TDTT.

Nâng cao chất lượng cải cách hành chính, tăng cường phân cấp trong hoạt động quản lý TDTT; từng bước kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, vừa thực hiện đúng chức năng, vai trò quản lý nhà nước.

Phát huy vai trò, năng lực của Liên đoàn, các câu lạc bộ thể thao của tỉnh; tiếp tục phát triển số lượng các tổ chức hội về TDTT. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn với các tổ chức hội về TDTT.

6. Ứng dụng khoa học công nghệ, y học thể thao

Chủ động lựa chọn, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số nhằm tạo sự đột phá trong công tác tuyển chọn, đào tạo, nâng cao thành tích, đặc biệt là những môn ASIAD, Olympic; tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phòng ngừa, chữa trị và phục hồi sau chấn thương đối với VĐV.

Có cơ chế, chính sách khuyến khích tiếp nhận, chuyển giao và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, y học thể thao, trang thiết bị hiện đại trong huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng VĐV trọng điểm theo hướng thiết thực và hiệu quả.

Đẩy mạnh hoạt động thống kê, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động, quy mô thị trường, dự báo xu thế phát triển làm cơ sở nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về TDTT.

7. Phát huy hiệu quả các nguồn lực và cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT

Tiến hành xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT tỉnh An Giang phù hợp theo quy hoạch tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Rà soát những công trình TDTT hiện hữu và sử dụng hiệu quả, đúng quy định các nguồn ngân sách để lập đề án đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng, điều chỉnh, sắp xếp lại đồng bộ, phân đầu theo quy chuẩn của quốc gia; quy định về trách nhiệm quản lý chặt chẽ diện tích đất dành cho công trình TDTT và các quy định nghiêm cấm việc lấn chiếm, sử dụng đất TDTT vào nội dung khác.

Phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ quản lý, điều hành, huấn luyện và các hoạt động trong lĩnh vực TDTT; đẩy mạnh thu hút nhân lực chất lượng cao. Quan tâm, chú trọng sử dụng nguồn nhân lực là các VĐV, nhất là VĐV tài năng sau khi nghỉ thi đấu; tăng cường bồi dưỡng, bố trí nhân lực TDTT cho cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường xã hội hóa các hoạt động TDTT, thúc đẩy hợp tác công - tư, liên doanh, liên kết trong đầu tư, khai thác, vận hành các công trình TDTT, tổ chức sự kiện, cung ứng dịch vụ TDTT; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở thể thao, hỗ trợ, tài trợ cho các đội tuyển, VĐV thể thao trọng điểm, thành lập các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, tham gia tổ chức các giải thi đấu, đào tạo VĐV, HLV, trọng tài và cung cấp các dịch vụ TDTT.

Từng bước sắp xếp, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thể thao theo hướng tự chủ. Đổi mới cơ chế quản lý, vận hành và khai thác dịch vụ, đồng thời vẫn bảo đảm phục vụ các nhiệm vụ của nhà nước khi cần thiết.

Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại hóa Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện Khu liên hợp thể thao tỉnh đảm bảo đủ các điều kiện, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo, huấn luyện và thi đấu các giải thể thao cấp tỉnh, đăng cai tổ chức các sự kiện thể thao lớn của khu vực, toàn quốc và quốc tế; hoàn thiện mạng lưới cơ sở vật chất - kỹ

thuật thể thao của các ngành quân đội, công an, giáo dục và đào tạo; hầu hết khu dân cư, khu đô thị, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế có ít nhất 01 thiết chế thể thao hoặc 01 điểm tập luyện TDTT; quan tâm đầu tư và kết hợp huy động nguồn lực xã hội xây dựng các công trình công viên cây xanh gắn với không gian tập luyện TDTT, lắp đặt các trang thiết bị tập luyện TDTT ngoài trời tại các điểm công trình công cộng (Công viên, vườn hoa, hành lang xanh) phục vụ nhân dân rèn luyện sức khỏe.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phân đầu 100% các địa phương trong tỉnh được đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao theo quy chuẩn, quy định (Riêng các địa phương đã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đóng trên địa bàn thì không đầu tư xây dựng mới) và 100% đơn vị hành chính cấp cơ sở có 03 công trình thể thao cơ bản (nhà thi đấu, sân vận động, hồ bơi) phục vụ nhu cầu tập luyện của nhân dân.

8. Phát triển kinh tế thể thao

Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư, sáng tạo, sản xuất, phân phối các sản phẩm, dịch vụ TDTT.

Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ tập luyện thể thao, tổ chức sự kiện thể thao, bán vé xem thi đấu, đào tạo vận động viên, du lịch thể thao, thể thao giải trí, tư vấn, môi giới chuyển nhượng và các dịch vụ thể dục, thể thao khác. Tăng cường sự phối hợp liên ngành trong phát triển các loại hình dịch vụ tổng hợp có tính chất liên kết đa ngành nhằm khai thác hiệu quả các hoạt động TDTT.

Rà soát, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh, điều kiện đầu tư và cải thiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực TDTT của tỉnh.

Nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bản quyền, sở hữu trí tuệ, đăng ký, cấp phép hành nghề trong lĩnh vực TDTT; tăng cường hoạt động bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế thể thao.

Hướng dẫn, hỗ trợ pháp lý các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để phát triển kinh tế thể thao, tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ mới, chuyển đổi số nhằm phát triển số lượng doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ TDTT.

9. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực TDTT

Vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về VDV, HLV, trọng tài, chuyên môn nghiệp vụ; kết quả, thành tích thi đấu thể thao; các văn bản quy phạm pháp luật, luật thi đấu, phương pháp tập luyện và kiến thức về dinh dưỡng, y học thể thao.

Từng bước ứng dụng hệ thống kỹ thuật, công cụ công nghệ thông tin hiện đại trong lĩnh vực TDTT; triển khai các ứng dụng phân tích, khai thác dữ liệu lớn,

ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) trong đào tạo, huấn luyện VĐV, hướng dẫn tập luyện và tổ chức sự kiện thể thao.

Phát triển các sản phẩm truyền thông trên nền tảng số để tương tác, trao đổi giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội - nghề nghiệp với người dân trong quá trình cung cấp, sử dụng dịch vụ công và phổ biến tri thức, phương pháp tập luyện TDTT.

Hoàn thiện và khai thác hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý và hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực TDTT.

IV. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030:

- Phát triển TDTT quần chúng đi vào chiều sâu, quan tâm phát triển TDTT giải trí, xây dựng nếp sống góp phần tăng cường sức khỏe thể chất cho nhân dân; chú trọng phát triển TDTT trường học, lực lượng vũ trang, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và đồng bào dân tộc.

- Thực hiện Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Các địa phương xây dựng đề án, kế hoạch về quỹ đất và ngân sách dành cho TDTT theo quy hoạch đã được phê duyệt để đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa sân bãi do địa phương quản lý, nhằm cải thiện điều kiện phát triển TDTT của các địa phương, quan tâm tập trung vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và vùng đồng bào dân tộc.

- Phát triển thể thao thành tích cao theo hướng bền vững. Xây dựng và thực hiện quy trình phát hiện, tuyển chọn, đào tạo vận động viên tài năng.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình mục tiêu, đề án phát triển các môn thể thao trọng điểm của An Giang.

- Cải thiện các điều kiện và nguồn lực phát triển TDTT. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho TDTT; nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về TDTT; tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội về TDTT.

- Tiếp tục thực hiện xã hội hóa các hoạt động TDTT, quan tâm đẩy mạnh xã hội hóa trang bị các trang thiết bị dụng cụ tập luyện TDTT ngoài trời tại các địa phương, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và đồng bào dân tộc.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1131/QĐ-UBND, ngày 22/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành văn hóa, thể thao tỉnh An Giang từ năm 2014 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Chuẩn bị lực lượng, điều kiện tham dự đạt kết quả tốt tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế, Đại hội Thể thao toàn quốc lần X năm 2026 và Đại hội Thể thao toàn quốc lần XI năm 2030.

2. Giai đoạn từ năm 2030 đến năm 2045:

- Tiếp tục phát triển TDTT có nề nếp, chú trọng phát triển TDTT giải trí; hoàn thiện và duy trì hệ thống tổ chức thi đấu TDTT phù hợp với các đối tượng.

- Triển khai thực hiện các đề án, quy hoạch phát triển TDTT đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1131/QĐ-UBND, ngày 22/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành văn hóa, thể thao tỉnh An Giang từ năm 2014 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Hoàn thiện quy trình phát hiện, tuyển chọn, đào tạo khoa học VĐV tài năng làm cơ sở cho việc nâng cao thành tích của VĐV;

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý nhà nước về TDTT, tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội về TDTT.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất và cải thiện các điều kiện về nguồn lực phát triển TDTT các cấp.

- Tiếp tục thực hiện xã hội hóa các hoạt động TDTT, quan tâm đẩy mạnh xã hội hóa trang bị các trang thiết bị dụng cụ tập luyện TDTT ngoài trời tại các địa phương, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và đồng bào dân tộc.

- Chuẩn bị lực lượng, điều kiện tham dự đạt kết quả tốt tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế và Đại hội Thể thao toàn quốc lần XII năm 2034 và các Đại hội Thể thao toàn quốc tiếp theo.

- Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, nguồn lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch khác liên quan; nguồn xã hội hóa và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có) (*Phụ lục 1, phụ lục 2*).

2. Hằng năm, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi cơ quan tài chính cùng cấp chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối và phân cấp ngân sách, lồng ghép trong kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật

Đầu tư công và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Là cơ quan thường trực, phối hợp, đôn đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

- Phối hợp với Báo, Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch; đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân về vị trí, vai trò, tác dụng của TDTT trong đời sống.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển sự nghiệp TDTT trên địa bàn tỉnh, chú trọng ban hành, thực hiện các chính sách đối với VĐV, HLV, tài năng thể thao phù hợp điều kiện của địa phương.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, nghiên cứu, tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đầu tư, khuyến khích, huy động các nguồn vốn, tài trợ xã hội hóa cho phát triển TDTT.

- Tổ chức triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch liên quan đến lĩnh vực TDTT và lồng ghép hiệu quả với các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch liên quan đã được giao nhiệm vụ hoặc đã được phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các cơ quan liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch; hằng năm tổ chức tiến hành kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch giai đoạn đến năm 2030 và đề xuất các văn bản, kế hoạch tiếp tục triển khai, các nhiệm vụ, giải pháp cần bổ sung, điều chỉnh trong giai đoạn 2031 - 2045.

2. Sở Tài chính

a) Theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền quyết định nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch trên cơ sở lồng ghép trong kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư; nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách phù hợp về ưu đãi, khuyến khích đầu tư, kinh doanh hoạt động thể thao, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến giáo dục thể chất, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng thể thao trong trường học và chính sách đối với đội ngũ giáo viên giáo thể thao.

b) Thực hiện định kỳ việc điều tra, đánh giá thể chất và sức khỏe của học sinh theo quy định của ngành.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn việc bảo đảm cơ sở vật chất, nhân lực và trang, thiết bị phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường theo phân cấp quản lý

d) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh và tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp khu vực, toàn quốc và các giải thể thao dành cho học sinh do Bộ GDĐT tổ chức.

đ) Định kỳ hằng năm gửi báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

5. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch xây dựng, triển khai Kế hoạch trong lực lượng công an nhân dân và quân đội nhân dân.

b) Chủ trì tổ chức và duy trì thường xuyên các hoạt động TDTT truyền thống trong toàn lực lượng; nâng cao chất lượng trong kiểm tra định kỳ đối với cán bộ, chiến sĩ, đánh giá chất lượng rèn luyện thân thể, góp phần nâng cao kỹ năng tác nghiệp, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

c) Bảo đảm công tác an ninh trật tự, an toàn giao thông trong quá trình tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao quy mô cấp tỉnh và đăng cai tổ chức các giải thể thao quốc gia, quốc tế do tỉnh tổ chức.

d) Chú trọng nghiên cứu phát triển thể thao thành tích cao trong lực lượng; phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng các VĐV trẻ, tài năng và VĐV trình độ cao tham gia thi đấu tại các giải thể thao, đại hội thể thao tỉnh, khu vực, toàn quốc và quốc tế; định kỳ hằng năm gửi báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo.

6. Sở Nội vụ

Phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện công tác tổ chức bộ máy, biên chế, chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập về lĩnh vực TDTT; tham mưu công tác thi đua, khen thưởng theo đúng quy định pháp luật.

7. Sở Y tế

Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền phối hợp, hỗ trợ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đảm bảo công tác y tế trong quá trình tổ chức các hoạt động TDTT; triển khai công tác ứng dụng y học, dinh dưỡng trong hoạt động thể thao.

Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước cho trẻ em trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan tư vấn, hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp,... trong lĩnh vực thể dục, thể thao nhằm góp phần bảo vệ kết quả đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực này.

b) Phối hợp đề xuất các nội dung nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo từng giai đoạn phát triển, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế và xã hội và điều kiện thực tiễn của địa phương.

9. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Tham mưu và triển khai công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho lĩnh vực TDTT trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo các quy định của pháp luật.

10. Sở Xây dựng:

Tham mưu UBND tỉnh quy hoạch, phân bổ các công trình thể thao phù hợp theo quy hoạch chung của tỉnh, đặc biệt là các công trình thể thao gắn với văn hóa, du lịch và Khu liên hợp thể thao của tỉnh. Quản lý xây dựng cơ bản và các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong đầu tư, xây dựng các công trình thể thao.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh An Giang và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan và địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hưởng ứng, tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển sự nghiệp TDTT, tham gia tập luyện TDTT gắn với cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” và “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”. Chỉ đạo tổ chức các hoạt động TDTT, giải thể thao, hội thao tại đơn vị và tham gia các giải thể thao, hội thao các cấp tổ chức.

b) Tỉnh Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch, thúc đẩy các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của TDTT trong đời sống, trong phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế. Duy trì tổ chức các hoạt động TDTT, giải thể thao, hội thao cho thanh thiếu niên và tham gia các giải thể thao, hội thao các cấp tổ chức.

12. Báo An Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

a) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển TDTT trên Báo in, báo hình, báo mạng... nâng cao khả năng được hưởng thụ, nghe, xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình của quốc gia và địa phương.

b) Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục; tăng cường tin, bài tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vị trí, vai trò, tác dụng của TDTT

trong đời sống; chuyển đổi số trong lĩnh vực TDTT; hỗ trợ tuyên truyền về hoạt động TDTT trên các phương tiện thông tin, truyền thông và mạng xã hội.

13. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong tỉnh

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ chủ động phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các cơ quan, địa phương liên quan triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Kế hoạch; tham gia các hoạt động TDTT; thường xuyên tổ chức các hoạt động TDTT, các giải thi đấu thể thao, hội thao tại cơ quan, đơn vị và tích cực hưởng ứng, tham gia các giải thể thao, hội thao các cấp tổ chức, góp phần phát triển phong trào TDTT.

b) Căn cứ tình hình, điều kiện thực tế tại cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; tăng cường các nguồn lực cho sự nghiệp TDTT, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ tập luyện TDTT, thành lập các câu lạc bộ TDTT. Vận động, tạo động lực, khích lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị tích cực tập luyện TDTT hàng ngày nhằm thực hiện tốt cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” và tham gia các hoạt động như: Tháng hoạt động TDTT cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước,...

14. Ủy ban nhân dân các địa phương

a) Quán triệt sâu sắc các nội dung của Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 189-KH/TU ngày 27/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới. Xác định nội dung, nhiệm vụ và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Quan tâm chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác TDTT trong giai đoạn mới.

b) Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; lồng ghép các các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong việc triển khai đồng bộ các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục đích, chỉ tiêu, yêu cầu đặt ra.

c) Quy hoạch, bố trí đất đai, kinh phí xây dựng, nâng cấp các công trình thể thao; phát triển mạng lưới thiết chế, cơ sở thể thao đồng bộ trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý, phù hợp với nhu cầu, điều kiện cụ thể.

d) Bố trí ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật nhằm tăng cường các nguồn lực cho sự nghiệp TDTT và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được hỗ trợ (nếu có) để tổ chức thực hiện Kế hoạch tại địa phương; đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội hóa phù hợp với điều kiện địa phương để thực hiện Kế hoạch. Chủ động bố trí các nguồn lực và vận động xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đầu tư cơ sở vật chất, trang bị các trang thiết bị, dụng cụ

luyện tập TDTT tại các khu vui chơi, nơi công cộng nhằm phục vụ các hoạt động TDTT và tạo điều kiện cho Nhân dân được tập luyện TDTT.

đ) Tiếp tục tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả Cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” giai đoạn 2021 - 2030; phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và lồng ghép với Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân giai đoạn 2020 - 2030. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân duy trì nề nếp, thói quen thường xuyên luyện tập TDTT để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, cải thiện đời sống văn hóa, tinh thần và phòng, chống bệnh tật.

e) Tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương và định kỳ hằng năm gửi báo cáo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân các địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam căn cứ nhiệm vụ được phân công chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) trước ngày 15/12 hàng năm. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh kịp thời về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ VH, TT&DL;
- Cục Thể dục Thể thao;
- TT: TU, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Lãnh đạo VP.UBND;
- Các phòng: KGVX, KTĐT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh THúy

PHỤ LỤC 1
KINH PHÍ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO CẤP TỈNH
HÀNG NĂM
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	Thể dục thể thao cho mọi người	Thể thao thành tích cao	Tổng số
2026	11	127	138
2027	6,6	133	139,6
2028	6,6	140	146,6
2029	6,6	147	153,6
2030	12	154	166

- Sử dụng nguồn vốn sự nghiệp
- Kinh phí phong trào TDTT cho mọi người bao gồm: Kinh phí đăng cai tổ chức các giải thể thao cấp khu vực và toàn quốc, tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh, mở các lớp chuyên môn nghiệp vụ.
- Kinh phí thể thao thành tích cao chưa tính khen thưởng cho vận động viên đạt thành tích cao hàng năm và chế độ chính sách đãi ngộ (nếu có).

Tăng cường quan hệ với các đơn vị kinh tế trong và ngoài tỉnh nhằm tìm kiếm đối tác quan tâm đầu tư cho thể thao chuyên nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn đến 2030, tầm nhìn 2045 thực hiện kế hoạch phát triển thể thao chuyên nghiệp.

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Quy mô	Tổng mức đầu tư và nguồn vốn dự kiến			Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn
			Tổng mức đầu tư	Trung ương	Tỉnh	2025 - 2026	2026 - 2030	2031 - 2045	
1	Khu liên hợp TDDT tỉnh:	14,85 ha			X		X	X	Nguồn vốn đầu tư
	- Sân vận động tỉnh	9,403 ha	547		X	X	X		
	- Trung tâm đào tạo huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh	5,450 ha	2.000		X		X	X	
	+ Nhà thi đấu								
	+ Hồ bơi								
2	Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực Thể thao		700		X		X		Nguồn vốn sự nghiệp
3	Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực Thể thao		1.400		X			X	Nguồn vốn sự nghiệp
4	Khu thể thao dưới nước Búng Bình Thiên						X	X	Nguồn vốn đầu tư
5	Đường đua xe đạp địa hình						X	X	Nguồn vốn đầu tư